

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 134/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận T tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trương Thị Thu T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 121, ấp T Đ, xã Đ, huyện T B, tỉnh Đồng Nai

- Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 121, ấp T Đ, xã Đ, huyện T B, tỉnh Đồng Nai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã tiến hành hòa giải đoàn tụ không thành, các bên thuận tình ly hôn, thỏa thuận được về nuôi con và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa T của các bên.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh B thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Có 02 người con chung tên: Nguyễn Đình Gia T, sinh ngày 10/6/2005 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 14/6/2012. Khi ly hôn, chị T và A B thỏa T thống nhất để chị Trương Thị Thu T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung. Anh Nguyễn Thanh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (*một triệu đồng*)/01 con. Thời hạn cấp dưỡng tính từ

ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T và cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3]. Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị Thu T tự nguyện chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm mà chị T đã nộp theo Biên lai thu số 001360 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận T tình ly hôn và sự thỏa T của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Đình Gia T, sinh ngày 10/6/2005 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 14/6/2012 cho chị Trương Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục. Anh Nguyễn Thanh B phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng với số tiền là 1.000.000đ (*một triệu đồng*)/1 con. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T và cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Thanh B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng phải chịu mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị Thu T tự nguyện chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm mà chị T đã nộp theo Biên lai thu số 001360 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 47, ngày 25/5/2004);
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Hồng Ngọc